

CƠ SỞ HÌNH THÀNH TÍNH CÁCH TRUYỀN THỐNG CỦA CON NGƯỜI VIỆT NAM - TIẾP CẬN DƯỚI GÓC ĐỘ TRIẾT HỌC MÁC XÍT

Đoàn Thị Hồng Lam¹

Tóm tắt. Việc nghiên cứu cơ sở hình thành giá trị tinh thần truyền thống của con người Việt Nam là một công việc khó khăn và phức tạp đối với nhận thức, nhưng lại có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn đối với việc hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam và sự nghiệp xây dựng con người mới – con người xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, dựa trên cơ sở lý luận là chủ nghĩa duy vật lịch sử, trong bài viết này chúng tôi đã luận giải và làm sáng tỏ một cách khoa học cơ sở hình thành tính cách của con người Việt Nam.

Từ khóa: Giá trị tinh thần, truyền thống văn hóa, dân tộc Việt.

1. Đặt vấn đề

Giá trị tinh thần truyền thống của con người Việt Nam đã góp phần tạo nên những kỳ tích trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường, thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc không những chưa được phát huy, mà còn có nguy cơ suy thoái và lạc hậu, cùng với đó là những hạn chế trong tính cách của con người Việt Nam đang thực sự trở thành một rào cản lớn đối với tiến trình phát triển đất nước. Vì vậy, việc nhận thức thấu đáo cơ sở hình thành giá trị tinh thần truyền thống của con người Việt Nam, có ý nghĩa rất quan trọng đối với thực tiễn xây dựng con người mới - con người xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

2. Một số quan điểm phi Mác xít về sự hình thành tính cách con người

Việc nhận thức một cách sâu sắc, thấu đáo nguồn gốc và cơ sở hình thành giá trị tinh thần, tính cách, tâm lý của con người nói chung là một công việc hết sức khó khăn và phức tạp. Chính vì vậy, trong lịch sử nhận thức của nhân loại đã có những quan điểm khác nhau, thậm chí là trái ngược nhau trong việc lý giải cơ sở của nhân cách con người. Theo nhận thức của chúng tôi, hiện nay có hai quan điểm cực đoan và đối lập nhau về vấn đề nguồn gốc và cơ sở hình thành nhân cách, tính cách và được biểu hiện trong các trường phái “chủ nghĩa tự nhiên” (hay còn gọi là chủ nghĩa sinh vật) và “chủ nghĩa xã hội học”. Quan điểm của chủ nghĩa tự nhiên dựa trên những thành tựu sinh vật học cũng như những thành tựu về dân tộc học của K. Lôrenxơ. Chính K. Lôrenxơ cho rằng, hành vi xã hội của con người bao gồm trong nó những tính quy luật mà chúng ta có thể biết rõ từ hành vi động vật: “người ta thừa nhận rằng hành vi xã hội của con người;. . . bao gồm trong nó tất cả những tính quy luật mà chúng ta được biết rõ ràng nhờ vào nghiên cứu những hành vi của động vật” [1;26].

Ngày nhận bài: 10/02/2020. Ngày nhận đăng: 23/04/2020.
¹Khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;
e-mail: honglamdoan74@gmail.com

Vào những năm 70 của thế kỷ XX, trước sự phát triển của khoa học, đặc biệt là sinh vật học và khoa học xã hội nhân văn, chủ nghĩa sinh học xã hội đã ra đời như một trào lưu liên ngành mới ở Tây Âu. Nhìn một cách tổng thể chủ nghĩa này cũng không khác gì chủ nghĩa tự nhiên khi cho rằng: “Tất cả những gì của con người do bẩm sinh mà có, thì không thể bị thay đổi do các điều kiện xã hội”. Theo họ, “sự phát triển của bộ não, sự chuyển hóa của bộ não, tốc độ và tính khuynh hướng của quá trình giáo dục con người được hình thành trên trái đất, chủ yếu bằng con đường di truyền”, hay “lý tính của con người có thể hiểu đúng đắn, rõ ràng nhất từ quan điểm về quá trình phát triển do các gen di truyền quy định” [2;66-67].

Sự ra đời của chủ nghĩa sinh học xã hội đã cổ súy cho sự phân biệt đẳng cấp, phân biệt chủng tộc, là mầm mống của sự kỳ thị dân tộc và những hậu quả đau thương mà chủ nghĩa phát xít đã gây ra cho nhân loại. Chủ nghĩa sinh học xã hội là một trào lưu tư tưởng cực đoan và gây ra sự phản kháng gay gắt về mặt khoa học. Giáo sư Trần Văn Giàu đã nhận định: “Không làm gì có một chủng tộc sinh ra đã mang những đức tính cao thượng, đã đẹp người lại dũng cảm, mưu lược, thông minh hơn đời, trời sấm ra để cai trị các chủng tộc khác, còn các chủng tộc khác thì sinh ra đã mang sẵn tính thấp hèn, đã xấu xí người lại hèn nhát, đại dột, ngu xuẩn, trời sấm sấm để phục vụ các chủng tộc được biệt đãi kia. Các màu sắc “học thuyết” phân biệt chủng tộc ấy đều là sản phẩm của đế quốc thực dân xưa cũng như nay cốt viện lý do cho sự xâm lược, sự thống trị. Đã biết rằng trên thực tế lịch sử loài người, ở một thời điểm nhất định nào đó, quả có sự dị đồng, cao hạ giữa các giống nòi, các quốc gia; nhưng sự dị đồng, cao hạ đều là sản phẩm của lịch sử, không phải sản phẩm của màu da, màu mắt, màu tóc, không phải sản phẩm của các đặc tính sinh lý vốn có, cũng không phải là do ưa thích hay không ưa thích của Thượng đế sáng tạo. Nhân loại trước khi vào chế độ cộng sản chủ nghĩa thì phát triển bất đồng rất nhiều. Từ thời đại, thấy nổi lên những trung tâm văn minh ở khu vực này ở khu vực khác, chỗ này trước là thấp sau vươn lên cao, chỗ kia đã gặp hồi cao rồi thì bây giờ lại suy xuống thấp. Chớ làm gì có một nòi giống nào đó sinh ra đã hơn người rồi cứ hơn mãi mãi, sinh ra để cai trị rồi cứ làm ông làm cha hoài hoài, còn nòi giống khác bị Thượng đế kết án ngu dốt vĩnh viễn làm nô lệ cho kẻ khác. . . . Màu da, tiếng nói, mắt xanh hay mắt đen, râu xồm hay râu thưa, đều không phải là căn nguyên của sự khác biệt về đức tính và đạo lý làm người” [3;58-59].

Đôi lập với quan điểm quy tất cả những yếu tố xã hội vào yếu tố sinh học là quan điểm ngược lại, quy tất cả yếu tố sinh học vào yếu tố xã hội. Quan điểm này theo chủ nghĩa xã hội học và đã tước bỏ tính hữu cơ, tính tự nhiên của con người, coi nhân cách, giá trị tinh thần của con người hoàn toàn là sản phẩm thuần túy của văn hóa, của xã hội, của kinh tế. Những người theo chủ nghĩa xã hội học đã xây dựng học thuyết của mình về con người dựa trên quan điểm lý luận của trường phái E. Durkheim. Theo họ, các hành vi của con người đều do tư tưởng, ý thức xã hội tạo nên; đồng thời, trường phái này phủ nhận mối liên hệ khách quan giữa hành vi con người với những điều kiện vật chất của sản xuất và tái sản xuất con người, với tự nhiên.

2.1. Sự hình thành tính cách truyền thống của con người Việt Nam dưới góc độ của triết học Mác-xít

Trái ngược với hai quan điểm cực đoan trên, triết học mácxít cho rằng, trong con người có sự thống nhất giữa mặt tự nhiên và mặt xã hội. Có thể thấy rằng, con người là một cơ thể hữu sinh có trình độ tổ chức sinh học cao nhất và do vậy, quan hệ giữa các yếu tố sinh học với các yếu tố xã hội là rất phức tạp, sâu sắc. Việc lý giải cơ sở của tính cách con người nói chung và con người Việt Nam nói riêng không thể loại bỏ một cơ sở quan trọng - đó là cơ sở tự nhiên của tính cách. Với triết học duy vật biện chứng thì giá trị tinh thần của con người được nhìn nhận như là những hiện tượng tinh thần, nhưng không phải là cái gì đó bay lơ lửng trên không trung, mà gắn liền với sản phẩm tiến hóa cao nhất của vật chất là não người. Do vậy, sự hình thành và phát triển tâm lý,

tính cách ít nhiều chịu sự chi phối của cơ chế di truyền, trước hết biểu hiện ở một số thuộc tính của hoạt động thần kinh cao cấp của bộ não: khả năng thành lập, giữ gìn và tái hiện các đường liên hệ thần kinh tạm thời; quá trình hưng phấn và ức chế, cũng như tương quan giữa hai quá trình này. Tổ chức cơ thể của con người, như các giác quan, hệ thần kinh trung ương... là những tiền đề sinh học, sinh lý học, tâm sinh học được xem như cơ sở vật chất và có ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển con người. Thực tế đã chứng minh rằng, những khiếm khuyết về mặt cơ thể, về gen... đã có ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển con người, đến thế giới quan, tính cách và định hướng giá trị của nó; hay những năng khiếu bẩm sinh, những “thiên bẩm” chính là do yếu tố sinh học chi phối.

Như vậy, tất cả các hiện tượng tinh thần, tâm lý người nói chung đều có cơ sở vật chất là các hệ thống chức năng cơ động trong não bộ, chịu ảnh hưởng phần nào của cơ chế di truyền và các đặc điểm sinh học của con người. Và rất có thể những ưu điểm và hạn chế trong tinh thần, tính cách của con người Việt Nam có sự ảnh hưởng và chi phối không nhỏ bởi những yếu tố thuộc về mặt sinh học. Tuy nhiên, mọi dụng tâm tuyệt đối hóa cơ sở sinh học, tuyệt đối hóa các yếu tố tự nhiên trong sự hình thành và phát triển nhân cách, tính cách của con người đều là những sai lầm về nhận thức và có thể gây ra những hệ quả không tốt đẹp trong thực tiễn. Bởi sự thật thì hầu hết các hiện tượng tâm lý, nhất là các thuộc tính của nhân cách, cơ sở vật chất là hoạt động thần kinh của các hệ thống chức năng cơ động đều do từng người tự tạo lập nên trong cuộc sống của họ, bằng hoạt động của họ, bằng hoạt động của từng người trong hoàn cảnh xã hội - lịch sử cụ thể, bị tính chất xã hội quy định là chủ yếu.

Việc lý giải cơ sở xã hội của tinh thần con người nói chung và con người Việt Nam nói riêng cần phải trở về với cơ sở lý luận khoa học, phải dựa vào những quan điểm mang tính khoa học cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin và cũng cần phải thoát tuyệt một cách triệt để với những quan điểm cực đoan, duy tâm về vấn đề này. Với chủ nghĩa duy vật lịch sử, C. Mác và Ph. Ăngghen đã giải quyết một cách khoa học vấn đề hình thành và phát triển của tâm lý, ý thức xã hội. Các ông đã chứng minh rằng, đời sống tinh thần của xã hội hình thành và phát triển trên cơ sở của đời sống vật chất, rằng không thể tìm nguồn gốc của tư tưởng, tâm lý xã hội trong bản thân nó, nghĩa là không thể tìm trong đầu óc con người mà phải tìm trong hiện thực vật chất. Nhận thức về nguyên lý mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, C. Mác đã viết: “Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức cái cơ sở hiện thực trên đó dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị và những hình thái ý thức xã hội nhất định tương ứng với cơ sở hiện thực đó”. “Không phải ý thức của con người quyết định tồn tại của họ; trái lại, tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ”, “phải giải thích ý thức ấy bằng những mâu thuẫn của đời sống vật chất, bằng sự xung đột hiện có giữa lực lượng sản xuất xã hội và những quan hệ sản xuất xã hội” [4;15]. Như vậy, với quan điểm duy vật lịch sử thì cơ sở hình thành tính cách của con người Việt Nam chính là tồn tại xã hội của con người Việt Nam, là những điều kiện kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên và lịch sử.

Với lập trường triết học duy vật lịch sử trong lý giải về nguồn gốc và cơ sở xã hội của tâm lý dân tộc, của tính cách con người Việt Nam, cố giáo sư Hà Văn Tấn đã khẳng định: “Dân tộc Việt Nam là một dân tộc theo hệ thống nông nghiệp kỹ thuật cũ, đa canh, trồng lúa nước. Dân tộc Việt Nam hình thành sớm và luôn luôn phải tiến hành các cuộc chiến tranh giữ nước. Đây là những đặc điểm lớn nhất, ảnh hưởng quyết định đến sự hình thành tính cách người Việt Nam, tâm lý người Việt Nam, hay nói cụ thể hơn là quy định nếp cảm, nếp nghĩ, của người Việt Nam.” [5;13]

Những nguồn gốc và cơ sở xã hội quan trọng hình thành tính cách của con người Việt Nam đó là điều kiện sản xuất nông nghiệp lúa nước trong một môi trường tự nhiên nhiều thuận lợi nhưng cũng lắm khắc nghiệt và thường xuyên phải đấu tranh chống lại sự xâm lược của kẻ thù. Và một trong những đặc thù của xã hội phương Đông - đó là sự tồn tại lâu dài của chế độ công hữu về

ruộng đất, đã ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành tính cách và tâm lý của con người Việt Nam. Trong “Thư Ăngghen gửi Mác ở Luân Đôn, Mansxơ, 6 tháng Sáu 1958”, đã khẳng định: “Việc không có chế độ tư hữu về ruộng đất quả thật là chìa khóa để hiểu toàn bộ phương Đông. Đó là cơ sở của toàn bộ chính trị và tôn giáo của phương đông” [6;345]. Tiếp thu những chỉ dẫn của chủ nghĩa Mác trong nghiên cứu phương thức sản xuất châu Á, khi lý giải cơ sở hình thành tâm lý tập thể - cộng đồng của con người Việt Nam trong tác phẩm “Tìm hiểu tính cách dân tộc”, tác giả Nguyễn Hồng Phong đã nhận định: “Chính trên cơ sở chế độ sở hữu công xã ấy mà các phong tục, tập quán, các hình thức tổ chức và sinh hoạt của công xã thị tộc và công xã nông thôn đã được duy trì, phát triển và thích ứng với xã hội có giai cấp. Tâm lý tập thể - cộng đồng trên kia tự dấy mà hình thành” [7;120].

Tinh thần của con người Việt Nam được hình thành trên cơ sở tồn tại xã hội, những điều đó cũng không hề phủ nhận rằng, bên cạnh đời sống vật chất với những điều kiện sinh hoạt vật chất thì mỗi cá nhân đều phải sống trong một môi trường văn hóa nhất định, chịu sự tác động của các giá trị văn hóa truyền thống. Mỗi truyền thống văn hóa đều hiện diện một cách kiến giải đặc thù về ý nghĩa hiện hữu của con người, của sự vật và thế giới. Chính sự kiến giải đặc thù này đã góp phần quan trọng tạo nên bản sắc của mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc và tính cách của con người sống trong đó. Đây là một “lăng kính” mang tính quy phạm, quy ước, quy định cách sống và hoạt động của từng con người và cả cộng đồng dựa trên các phong tục tập quán, hệ thống các giá trị để phân biệt đúng - sai, phải - trái. Cách kiến giải này không phải lúc nào cũng được phản tư một cách rạch ròi, mà phần lớn hiện hữu một cách tiềm ẩn trong nếp sinh hoạt thường ngày của con người. Chúng ta có thể thấy rằng, một đứa trẻ sinh ra lúc đầu phân biệt thành “con trai” hay “con gái” trên cơ sở các đặc tính sinh vật học, khi đó thì chưa có sự khác biệt nhiều giữa đứa trẻ sinh ra ở Việt Nam, ở Nhật Bản hay ở Mỹ. Tuy nhiên, sống trong các truyền thống văn hóa khác nhau, đứa trẻ lớn lên ở Nhật Bản sẽ có xu hướng điềm tĩnh biết nghe lời, hòa mình với tập thể; còn đứa trẻ lớn lên ở Mỹ sẽ có xu hướng chủ động, ưa tranh luận, coi trọng cái tôi cá nhân, v.v... Như vậy, mỗi truyền thống văn hóa đều có những ảnh hưởng không nhỏ đến sự hình thành tính cách, tinh thần của mỗi con người sống trong những cộng đồng văn hóa đó. Chính C. Mác đã khẳng định: “Con người làm ra lịch sử của chính mình, nhưng không phải làm theo ý muốn tùy tiện của mình, trong những điều kiện tự mình chọn lấy, mà là trong những điều kiện trực tiếp có trước mắt, đã cho sẵn và do quá khứ để lại. Truyền thống của tất cả các thế hệ đã chết đè nặng như quả núi lên đầu óc những người đang sống. Và ngay như khi con người có vẻ như là đang ra sức cải tạo mình và cải tạo sự vật, ra sức sáng tạo ra một cái gì chưa từng có thì chính trong thời kỳ khủng hoảng cách mạng như thế, họ lại sợ sệt cầu viện đến những linh hồn của quá khứ, lại mượn tên tuổi, khẩu hiệu chiến đấu, y phục của những linh hồn đó, để rồi đội lột đáng kính của người xưa, và dùng những lời lẽ vay mượn đó để trình diễn màn mới của lịch sử” [8;145-146].

Có thể thấy rằng, các yếu tố tinh thần thuộc về truyền thống văn hóa của dân tộc và cả những giá trị của các yếu tố văn hóa du nhập từ bên ngoài như Nho giáo, Phật giáo đều có những ảnh hưởng nhất định đến sự hình thành nhân cách, tính cách và tinh thần nói chung của con người Việt Nam truyền thống. Nghiên cứu nguồn gốc của giá trị tinh thần truyền thống của con người Việt Nam, giáo sư Trần Đình Hượu đã từng khẳng định: “Những cái đã lắng đọng, đã ổn định, chắc chắn là kết quả của sự dung hợp của cái vốn có, của văn hóa Phật giáo, văn hóa Nho giáo, cái được dân tộc sàng lọc, tinh luyện để thành bản sắc của mình. Phật giáo, Nho giáo tuy từ bên ngoài du nhập vào nhưng đều để lại dấu ấn sâu sắc trong bản sắc dân tộc. Có điều, để thích ứng với cái vốn có. Phật giáo không được tiếp nhận ở khía cạnh trí tuệ, cầu giải thoát, mà Nho giáo cũng không được tiếp nhận ở khía cạnh lễ nghi tụn mủn, giáo điều khắc nghiệt. Đạo giáo hình như không có nhiều ảnh hưởng trong văn hóa nhưng tư tưởng Lão -Trang thì lại ảnh hưởng nhiều đến lớp trí thức cao cấp, để lại dấu vết khá rõ trong văn học” [9;53]. Mặc dù những yếu tố văn hóa truyền thống và

các yếu tố văn hóa du nhập ảnh hưởng không nhỏ đến sự hình thành tính cách của con người Việt Nam, trong đó bao hàm cả ảnh hưởng tiêu cực lẫn ảnh hưởng tích cực. Tuy nhiên, xét đến cùng thì những cơ sở xã hội đã quyết định quá trình hình thành và phát triển của ý thức, tinh thần con người Việt Nam là những nhân tố thuộc về kinh tế - xã hội.

3. Kết luận

Sự hình thành giá trị tinh thần truyền thống của con người Việt Nam gắn với những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định trong lịch sử dân tộc. Và có thể nhận thấy, toàn bộ sự truyền thụ và lĩnh hội kinh nghiệm xã hội - lịch sử chuyển thành năng lực của từng người đều diễn ra trong ngữ cảnh người - trong các điều kiện xã hội - lịch sử. Ví như, trường hợp hai em bé Ấn Độ vừa sinh ra chẳng may rơi vào sòng với bầy sói, sau khi phát hiện và được mang về sống trong xã hội người, thì tuy có cơ thể, kể cả đầu và óc, nhưng không biết nói, không hiểu người khác nói, không biết cười, có nghĩa là không có tính người, không có tâm lý, tính cách của con người. Do đó, chỉ có sống và hoạt động trong xã hội, trong các quan hệ người - người, các quan hệ xã hội thì não người mới có thể trở thành công cụ thực hiện chức năng phản ánh tâm lý vốn có của con người. Nói cách khác, muốn có tính cách và tâm lý người phải có cơ sở xã hội và chính nguồn gốc và cơ sở xã hội là nhân tố quyết định sự hình thành, phát triển tính cách của con người nói chung và tính cách con người Việt Nam nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dẫn theo L.M. Áckhanghenxki (chủ biên 1983), *Chủ nghĩa xã hội và nhân cách*. Tập 1, Nxb Sách giáo khoa Mác – Lênin, tr.26.
- [2] Nguyễn Hảo Hải (1992), *Mấy nét về chủ nghĩa sinh học xã hội*. Tạp chí Triết học, số 3, tr. 66-67.
- [3] Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 58-59.
- [4] *C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập*. Tập 13, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 15.
- [5] Hà Văn Tấn (1980), *Về khái niệm “Dân tộc” của Mác và Ăngghen và sự hình thành dân tộc Việt Nam*. Tạp chí Dân tộc học, số 2, tr.13.
- [6] *C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập*. Tập 28, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 345.
- [7] Nguyễn Hồng Phong (1963), *Tìm hiểu tính cách dân tộc*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 120.
- [8] *C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập*. Tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 145-146.
- [9] Lê Ngọc Trà (2001), *Văn hóa Việt Nam – Đặc trưng và cách tiếp cận*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 53.

ABSTRACT

Foundation for forming the traditional spiritual value of Vietnamese people

The research on the basis of forming the traditional spiritual value of Vietnamese people is a difficult and complex task for cognition, but it has great theoretical and practical implications for the improvement of human dignity. how Vietnamese people and careers build new people - socialist people. Therefore, based on the theoretical basis of historical materialism, in this article, we have interpreted and clarified in a scientific basis the character of Vietnamese people.

Keywords: *Spiritual values, cultural traditions and ethnicity Vietnam.*